

XÂY DỰNG NHÂN VẬT TRUNG TÂM TRONG ĐIÊU KHẮC CÔNG CỘNG HÀ NỘI: MỐI LIÊN HỆ VỚI NGHỆ THUẬT TẠO HÌNH TRUYỀN THỐNG

◆ TS. NGUYỄN THỊ LAN HƯƠNG

Để một tượng nhân vật có thể trở thành biểu tượng, biểu thị riêng cho một thành phố hay đô thị thì ngoài việc khắc họa được hình ảnh nhân vật đó với những đặc tính riêng biệt, nhà điêu khắc cần phải truyền tải được những yếu tố truyền thống về văn hóa, lịch sử, phong tục và những đặc trưng của đô thị, thành phố sang “ngôn ngữ tạo hình tượng nhân vật”.

Trong các loại hình nghệ thuật như văn học, điện ảnh, kịch nghệ, âm nhạc, việc xây dựng hình tượng nhân vật trung tâm luôn là cốt lõi của tác phẩm. Điêu khắc công cộng cũng vậy. Khi tác phẩm điêu khắc mô tả nhân vật, dù là nhân vật cụ thể, độc lập, hay một hình tượng được diễn hình hóa thì nhân vật này cũng luôn là tâm điểm của tác phẩm. Trong không gian công cộng ngoài trời của đô thị, các tác phẩm điêu khắc nhân vật thường hướng đến tạo dựng hình ảnh của các vị thần, cá nhân, anh hùng dân tộc đã có công trong lịch sử tín ngưỡng, văn hóa, dựng nước và giữ nước. Các nhân vật thường được mô phỏng từ hình ảnh thực, đặt để trong không gian thuộc về chính nhân vật hoặc một nơi tôn nghiêm nào đó nhằm tôn vinh hình tượng nhân vật như

một biểu tượng về mặt tinh thần mà xã hội hướng tới. Hà Nội là một vùng đất nhiều biến cố lịch sử và cũng nhiều nhân kiệt anh tài. Tại đây, đã có một số tượng nhân vật được dựng lên như tượng đài Quang Trung ở gò Đống Đa, tượng Vua Lê ở gần trụ sở Báo Nhân dân, tượng Vua Lý Thái Tổ ở vườn hoa Chí Linh, tượng Bác Hồ - Bác Tôn và tượng Nguyễn Văn Trỗi ở công viên Thống Nhất, tượng Lê-nin ở đường Điện Biên Phủ, tượng Lý Tự Trọng ở đường Thanh Niên, tượng Bác Hồ ở Học viện Chính trị Quốc gia... Nhìn một cách tổng thể, tượng nhân vật ở Hà Nội hầu như được xuất hiện trên đúng địa điểm lịch sử, tác phẩm khắc họa cá tính nhân vật và phần nào đã mang tính giáo dục, nhắc nhở quá khứ hào hùng. Tuy nhiên, còn một mục đích quan trọng không kém sự cần thiết của một nhân vật được xây dựng đúng lúc, đúng chỗ, là tính nghệ thuật và đời sống của tác phẩm trong không gian dành cho nó. Một đô thị đẹp, có cá tính, có đặc trưng rất cần các tác phẩm nghệ thuật ngoài trời đẹp và thành công. Tác phẩm có thể trở thành những dấu ấn, điểm nhấn quan trọng trên diện mạo của đô thị. Và, trong thực trạng



Tượng Bác Hồ và Bác Tôn tại công viên Thống Nhất, Hà Nội
(Nguồn: Internet)

hiện nay, điêu khắc nhân vật trong không gian công cộng Hà Nội đang có gì cũng như cần làm gì để cho chúng ta một hình ảnh Hà Nội đẹp, ấn tượng, thanh lịch và hào hùng?

1. Nhân vật trung tâm trong điêu khắc công cộng ngoài trời Hà Nội: quan niệm, đặc trưng và thực trạng

Ở Việt Nam nói chung, Hà Nội nói riêng, hầu hết các tác phẩm điêu khắc ngoài trời lấy nhân vật làm trung tâm đều được xây dựng theo hình thức tượng đài kỷ niệm. Theo các học giả phương Tây, mọi tượng đài kỷ niệm nhân vật, dù được cấu trúc theo loại dạng nào và có kích thước ra sao, cũng đều

nhằm mục đích trước hết là gây ấn tượng mạnh và cảm xúc ngưỡng mộ. Xuất hiện trong các xã hội từ cổ xưa đến hiện đại, xuất phát từ mục đích gây ấn tượng mạnh mà tượng đài nhân vật đã trở thành điểm nhấn là một bộ phận không thể thiếu của tổ chức không gian kiến trúc đô thị từ khi chúng được ra đời cho đến tận ngày nay¹.

Trong tiếng Anh, monumental (hoành tráng) là tính từ được sử dụng để chỉ một cái gì đó bất thường, hoặc một sức mạnh phi thường, một quyền lực siêu phàm. Bởi thế, theo một nghĩa nào đó, tượng đài nhân vật là một bất thường cả về sự hiện diện vật chất của nó và cả nội dung mà nó thể hiện. Theo cách hiểu này, rõ ràng, sự to lớn về mặt kích thước của tượng đài chưa hẳn là một biểu thị quan trọng của tính hoành tráng.

Sự thật, do phải thể hiện một nhân vật xuất chúng có tài năng, sức mạnh và đức độ hơn người, mà tượng đài nhân vật đã mang trong nó đặc tính khác thường (monumental). Xét trên phương diện văn hoá, việc thể hiện những nhân vật ấy không đơn thuần chỉ là sự tái hiện. Ở bất cứ cộng đồng xã hội nào, trong bất cứ thời đại nào, thì những tái hiện ấy cũng nhằm mục đích thể hiện những giá trị xã hội mà cả cộng đồng đó đã đạt được và mong ước đạt được (trong một thời kỳ lịch sử nhất định). Nói khác đi, những nhân vật được dựng tượng đài đã được xem như là những biểu tượng của cộng đồng. Và vì thế, khi được diễn tả bằng ngôn ngữ điêu khắc, tác phẩm thường là những mẫu mực nghệ thuật của chính cộng đồng đã tạo dựng chúng. Nói theo nhà

điều khắc Nguyễn Xuân Tiên thì tượng đài “là loại hình nghệ thuật mang tính vượt thời gian”. Cũng vì những lý do nói trên mà chúng thường được xây dựng bằng những chất liệu bền vững.

Như vậy, tính hoành tráng của tượng đài nhân vật phải được hiểu theo hàm nghĩa của cái cao cả, cái vượt trội của một cộng đồng xã hội, trong một thời kỳ lịch sử nhất định.

Dựa trên cơ sở của những định nghĩa và những phân tích các cách hiểu hiện nay về tượng đài ở nước ta, chúng tôi xin được đưa ra quan niệm về tượng đài nhân vật như sau: Tượng đài nhân vật là công trình nghệ thuật ngoài trời được cấu trúc bởi sự phối hợp giữa nghệ thuật kiến trúc và nghệ thuật điêu khắc, sử dụng chất liệu bền vững; nhằm biểu thị những giá trị đã đạt được và mong muốn đạt được của một cộng đồng xã hội, trong một thời kỳ lịch sử nhất định, thông qua một nhân vật đã xuất hiện trong lịch sử, vô cùng quan thiết đến sự tồn vong của cộng đồng xã hội đó.

Theo khái niệm này, tượng đài nhân vật, xét trên phương diện văn hoá được hiểu như là một hình thức biểu thị những giá trị của một cộng đồng xã hội (một quốc gia, dân tộc), trong một thời kỳ lịch sử nhất định. Và như thế, khi nghiên cứu về loại hình này, người ta hoàn toàn có thể xem xét nó với những đặc điểm, chức năng của một biểu tượng: là một phương tiện biểu thị tập trung sắc thái văn hoá của cộng đồng đã tạo dựng nó; là phương tiện truyền tải những thông tin lịch sử, chính trị, nghệ thuật... và như thế

nó là một phương tiện giáo dục; là phương tiện để kết gắn những thành viên trong một cộng đồng xã hội, cũng như là phương tiện để tăng cường sự hiểu biết giữa các xã hội. Ở phương diện là biểu tượng của một xã hội, tượng đài nhân vật thường có đời sống lâu dài trong lịch sử. Bởi kể cả khi tính biểu tượng của nó biến mất do sự thay đổi của lịch sử, thì nó đã đủ thời gian để được xem là một di tích.

Tượng đài nhân vật lịch sử cũng mang những chức năng, vai trò của một tượng đài nói chung: là điểm nhấn mang tính thẩm mỹ cho một đô thị, một không gian sống của con người, là tâm điểm gắn kết các công trình kiến trúc dân dụng với không gian thiên nhiên; là tâm điểm bố cục tổ chức không gian cho một đô thị, điểm định vị cho hệ thống mạng lưới giao thông của đô thị; là phương tiện truyền tải những thông điệp lịch sử, văn hoá, nối kết quá khứ với hiện tại; gắn kết các thành viên trong một cộng đồng, cũng như làm tăng tính đoàn kết giữa các cộng đồng với nhau; là phương tiện phô diễn sắc thái văn hoá của một cộng đồng đô thị, một dân tộc...

Sự thật rằng, ngày nay, sự xuất hiện của những tượng nhân vật không chỉ mang ý nghĩa đơn thuần của một pho tượng, mà với sự phát triển của công nghiệp, với tốc độ phát triển của xây dựng đô thị, bức tượng còn mang ý nghĩa thiết định lại, lên một trình độ cao hơn trong mối tương quan hài hòa của một môi trường thẩm mỹ thời đại. Sự phát triển như vậy của nghệ thuật tượng đài nhân

vật, tất yếu sẽ dẫn đến một hình thức tiếp nhận mới về nghệ thuật.

Nếu như nghệ thuật hướng con người vào tính mức độ, thăng bằng và hài hòa, là những biểu hiện của cảm thức tốt, thì tượng đài nhân vật cùng không gian xung quanh nó, sẽ tạo dựng nên mối quan hệ hài hòa giữa nhịp điệu của cuộc sống con người với xã hội. Ý nghĩa của tượng đài nhân vật thực sự lớn lao. Đặc biệt, với ý nghĩa tổ chức môi trường thẩm mỹ, không gian của tác phẩm không phải là không gian trong một phạm vi bố cục, được giới hạn bởi khuôn khổ của hình tượng tác phẩm, mà còn là không gian được mở rộng hơn: không gian văn hóa của đô thị. Với người dân Việt nói chung và người Hà Nội nói riêng, tượng đài nhân vật vẫn có vị trí như nó vốn có ở các thành phố, đô thị lớn trên thế giới. Thậm chí, với cư dân có truyền thống cố kết cộng đồng làng xã như người Việt, vai trò của tượng đài còn được nổi bật hơn. Nếu như trong truyền thống, cổng làng, cây đa, bến nước, mái đình... là biểu tượng của mỗi cộng đồng làng, là niềm tự hào của mỗi cộng đồng làng; thì ngày nay, tượng đài nhân vật được coi như là một thiết chế văn hóa mới, có khả năng tương tự ở các cộng đồng cư dân đô thị Việt.

Trong bối cảnh của Hà Nội hiện nay, khi mà đâu đâu người ta cũng bắt gặp hình ảnh của những ngôi nhà coi nói tùy tiện; đâu đâu cũng kinh doanh mua bán, ăn uống, từ trong nhà ra vỉa hè, lòng đường; đâu đâu cũng thấy tình trạng ùn tắc xe... thì tượng đài nói chung và tượng nhân vật nói riêng

không chỉ giúp cho việc tổ chức đô thị ổn định trật tự, mà còn giúp cho các cộng đồng cư dân đô thị bảo tồn và phát huy các giá trị di sản văn hóa truyền thống trong sự phát triển hiện đại; giúp sự chuyển tải những giá trị văn hóa truyền thống đến kiến trúc đô thị, để kiến trúc đô thị hiện đại song vẫn giữ được sắc thái truyền thống của dân tộc.

Bất cứ thành phố đô thị nào cũng cần tượng đài nhân vật, bởi đó là niềm tự hào của cư dân sở tại và là thông điệp gửi tới du khách đến thăm thành phố, đô thị. Tượng đài nhân vật của Hà Nội hiện nay chủ yếu là nhân vật xuất hiện trong lịch sử chiến tranh. Vẫn biết rằng, chúng ta cần tự hào với những chiến công đã giành được và không được quên những hi sinh, mất mát của dân tộc vì độc lập và tự do hôm nay, nên rất cần phải có những tượng đài tưởng niệm nhân vật lịch sử. Tuy nhiên, nếu chỉ có những tượng đài theo chủ đề nói trên thì chưa đủ. Hà Nội và các đô thị nước ta cần có những tượng đài nhân vật mang thông điệp văn hóa truyền thống của đất nước, xứng đáng với tầm phát triển của các đô thị.

So với những tượng đài được xây dựng trước đổi mới (1986), các thiết kế tượng đài ở Hà Nội sau 1986 có sự quan tâm đầu tư nhiều hơn về giá trị thẩm mỹ. Một số hạn chế thường gặp trong các thiết kế tượng đài trước đây đã dần được khắc phục. Tính ước lệ, khái quát và tính hoành tráng đã được thể hiện rõ nét hơn ở các tượng đài như: tượng đài Vua Quang Trung ở Gò Đống Đa; tượng đài Thánh Gióng ở Núi Sóc; tượng đài Chiến sĩ trên đồi cao ở Sóc Sơn; tượng đài

Nguyễn Trãi ở vườn hoa Hà Đông; Tượng Bác Hồ - Bác Tôn ở Công viên Thống Nhất; tượng đài Vua Lý Thái Tổ ở vườn hoa Chí Linh... Xét ở một chừng mực nào đó, những công trình tượng đài này quả đã là những tác phẩm nghệ thuật đích thực, mang đầy đủ các yếu tố nội dung - tư tưởng - thẩm mỹ - hoành tráng - đại chúng; góp phần không nhỏ vào diện mạo chung của nền nghệ thuật Việt Nam hiện đại; đồng thời đã tạo ra những không gian văn hóa đẹp ở những nơi công cộng cho thủ đô Hà Nội; cũng như đã phần nào truyền tải tới các du khách trong và ngoài nước những thông điệp về lịch sử, về văn hóa của dân tộc Việt Nam nói chung, Hà Nội nói riêng. Tuy nhiên, nếu dựa theo những tiêu chí của các yếu tố cấu thành nghệ thuật thiết kế tượng đài, thì hầu như chưa có một công trình tượng đài nào ở Hà Nội hiện nay (ngoài trừ tượng đài Lê-nin ở vườn hoa Canh nông) thể hiện được trọn vẹn những tiêu chí đó.

Mặc dù các thiết kế tượng đài hiện nay ở Hà Nội đã thoát ra khỏi mô-típ quen thuộc như: diễn tả hình tượng người tri thức luôn phải có cặp kính, tay ôm cuốn sách dày; diễn tả hình tượng người công nhân bao giờ cũng trong trang phục bảo hộ lao động, tay cầm búa; diễn tả hình tượng chị nông dân với chiếc áo bà ba, quần xắn móng lợn, tay ôm bó lúa... Nhưng nhìn chung, các tượng đài hiện nay vẫn có sự lặp đi-lặp lại trong xây dựng và thể hiện hình tượng. (ví dụ điển hình là có 2 tượng đài Vua Lý Thái Tổ được xây dựng cách nhau chỉ khoảng 30km. Đó là tượng đài Lý Thái Tổ ở Bắc Ninh và tượng đài Lý Thái Tổ ở Hà Nội). Hiện tượng này

không chỉ xảy ra ở Hà Nội mà còn ở khắp các tỉnh thành của nước ta. Họa sĩ Trần Cung đã có lần tâm sự rằng: "Cảm giác của tôi khi đi qua những pho tượng từ Bắc đến Nam là điêu khắc tượng đài ít đề tài, thiếu phong cách, thậm chí giống như từ một lò phong cách mà ra. Vẫn chừng ấy mô-típ, không có sự cách điệu².

Sự thật, hiện tượng các công trình tượng đài có cùng đề tài, diễn tả hình tượng các nhân vật lịch sử với diện mạo, phong thái và bố cục "nhang nhác" giống nhau, khá phổ biến ở các thành phố, đô thị nước ta trong đó có Hà Nội. Không chỉ có vậy, ngay cả khi không cùng hình tượng nhân vật, và các nhân vật không sống cùng thời đại với nhau, thì phong thái, diện mạo, bố cục của những tượng đài diễn tả các hình tượng ấy vẫn "na ná" nhau. Nếu không có biển đề tên dưới chân các tượng đài, có lẽ khó ai có thể phân biệt được tượng Trần Hưng Đạo với tượng đài Quang Trung, Trần Quốc Tảng... cũng như khó có thể phân biệt được tượng đài Nguyễn Trãi với tượng đài Nguyễn Du... Bởi, các tượng đài Trần Hưng Đạo, Quang Trung, Trần Quốc Tảng... đều có chung hình tượng là những vị tướng võ oai phong lẫm liệt; và các tượng đài Nguyễn Trãi, Nguyễn Du đều được xây dựng theo hình tượng của những ông quan văn nho nhã, thông thái. Những thần thái riêng, liên quan đến tính cách, thời đại của nhân vật dường như không được chú ý đến. Ngôn ngữ nghệ thuật của tác giả (nhà điêu khắc) và thời đại mà tác giả đang sống gần như không để lại chút dấu ấn trên các tác phẩm tượng đài này.

Ảnh hưởng của phong cách tạo hình hiện thực từ các đài kỷ niệm của Liên Xô cũ (những năm 60 của thế kỷ trước) và của Trung Quốc (những năm 70 của thế kỷ trước) vẫn còn khá đậm trong phong cách tạo hình tượng đài nhân vật ở Việt Nam. Và Hà Nội cũng không ngoại trừ. Theo nhà nghiên cứu, họa sĩ Phạm Bình Chương, tượng đài ở Việt Nam hiện nay có phong cách tương đối giống nhau, “Trừ gương mặt, còn hình dáng các nhân vật đều có dáng vẻ chắc nịch, các khối được phạt mảng, các nếp quần áo được cách điệu, giản lược, hơi trang trí, giống như mặc áo bằng bìa cứng hay kim loại. Có thể gọi đó là phong cách “khỏe hóa”³.

Do phong cách tạo hình tương đối giống nhau và do các đề tài được khai thác để xây dựng hình tượng thường chỉ gói gọn trong phạm vi chủ đề về chiến tranh (các anh hùng) mà hình tượng tượng đài ở Việt Nam hiện nay nói chung, Hà Nội nói riêng, khá đơn điệu. Sắc thái văn hóa của Thủ đô ngàn năm văn hiến ít có cơ hội được bộc lộ.

Một trong những hạn chế thường được nhắc đến trong nghệ thuật thiết kế tượng đài nhân vật ở Việt Nam hiện nay nói chung, Hà Nội nói riêng, đó là hạn chế trong sự phối kết hợp giữa tác phẩm điêu khắc và môi trường xung quanh. Thực tế đã có không ít các tượng đài được các nhà điêu khắc, những người có chuyên môn, chuyên ngành mỹ thuật và dư luận xã hội, công nhận là đạt yêu cầu cả về nội dung và phong cách thể hiện của một tượng đài nhân vật, nhưng do được đặt ở những vị trí không

thích hợp với không gian kiến trúc và cảnh quan xung quanh cũng không thể phát huy các giá trị của nó trong việc làm đẹp không gian đô thị và đẹp cho chính bản thân tác phẩm. Chẳng hạn như tượng đài Quang Trung ở Gò Đống Đa - Hà Nội, rõ ràng, không phải là một tượng đài xấu, nhưng vì khi xây dựng tượng đài chưa có quy hoạch mặt bằng hợp lý, nên những dãy nhà dân coi nói trên đường Đặng Tiến Đông sau này đã bịt kín góc nhìn thỏa đáng cho người chiêm ngưỡng. Thêm vào đó, việc sửa sang lại Gò Đống Đa sau khi xây tượng cũng gây ra tỉ lệ không thích hợp giữa tượng đài với Gò: Gò thì quá cao mà tượng thì quá thấp. Đó là chưa kể đến không gian cạnh tượng đài lại là một khu nhốn nháo và hỗn loạn của những người buôn bán hàng ngày.

Vườn hoa Chí Linh vốn cũng là một vườn hoa nhỏ, thế nhưng tượng đài Vua Lý Thái Tổ được đặt ở đây thì lại rất lớn. Tượng nặng 32 tấn, tổng chiều cao của cả tượng và bệ tượng đài là 10,1m (tượng cao 6,8m; bệ tượng 3,3m). Chính vì quá đồ sộ, lại ở trong một khuôn viên nhỏ, nên tầm nhìn của du khách với tượng đài rất hạn chế. Cũng phải nói thêm, trước khi tượng đài Vua Lý Thái Tổ được đặt ở vườn hoa Chí Linh, đã có ý kiến cho rằng vị trí của tượng Vua Lý ở đây là không thích hợp, bởi không gian quanh Bờ Hồ gắn với lịch sử nhà Lê, những ý kiến đó đã không được tán thành. Một yếu tố mang tính tâm linh nữa, là khu vườn hoa nơi đặt tượng, vốn trước đây đã được người Pháp dựng tượng Paul Bert, Toàn quyền đầu tiên của Pháp ở Việt Nam. Vào năm 1896, các nghệ nhân đúc đồng Ngũ Xá đã

cho dựng bức tượng Vua Lê Thái Tổ, ở khu vực nay là Trung tâm văn hóa của Cục Văn hóa và cơ sở (Bộ VH TT và DL), Vua Lê được dựng đối diện với tượng Paul Bert, tay cầm kiếm chỉ ra mặt hồ, nhưng thực ra là chỉ vào mặt tượng Paul Bert. Tượng Vua Lý ở đúng vị trí tượng Paul Bert trước đây. Vì thế đã có không ít người tỏ ra ngần ngại với vị trí của tượng Vua Lý hiện nay, bởi với vị trí đó, ý nghĩa của tượng cũng có thể bị hiểu sai lệch.

Nhìn chung, cũng như hiện trạng của cả nước, nghệ thuật thiết kế xây dựng tượng đài nhân vật ở Hà Nội vẫn đang tồn tại những hạn chế về khai thác chủ đề, xây dựng các hình tượng nghệ thuật, cũng như hạn chế về kỹ thuật thể hiện hình tượng nghệ thuật. Đặc biệt, cho đến nay, hầu như vẫn chưa có được một công trình nào ở Hà Nội (ngoại trừ tượng đài Lê-nin) thể hiện được trọn vẹn trong sự kết hợp hài hòa giữa hình khối điêu khắc, không gian kiến trúc và cảnh quan môi trường. Đây cũng chính là một hạn chế lớn nhất của tượng đài nhân vật ở Hà Nội, một thực trạng gây bức xúc trong dư luận xã hội, làm đau đầu giới chuyên môn. Điều đáng nói, trong quá khứ của dân tộc, sự hòa hợp giữa tác phẩm điêu khắc với không gian kiến trúc, con người, cảnh quan thiên nhiên, lại là một yếu tố mạnh của nghệ thuật điêu khắc truyền thống. Nhờ yếu tố đó, mà điêu khắc truyền thống Việt, một mặt, đã phát triển một cách liên tục; mặt khác, luôn mang những sắc thái riêng, rất đặc trưng của nghệ thuật điêu khắc truyền thống Việt Nam. Vì thế, để giải quyết những hạn chế nêu trên, những người sáng tác, thiết kế xây dựng

tượng đài nhân vật ở Hà Nội rất cần phải tìm hiểu lại những đặc trưng của nghệ thuật điêu khắc truyền thống.

2. Mối liên hệ giữa nghệ thuật tạo hình truyền thống với tượng nhân vật trong điêu khắc công cộng Hà Nội

2.1. Những yếu tố phi vật thể

Một trong những đặc trưng nổi bật của nghệ thuật tạo hình truyền thống Việt nói chung, điêu khắc truyền thống Việt nói riêng, đó là: diễn tả các hình tượng rất cụ thể nhưng lại mang sắc thái liên tưởng. Đặc trưng này được biểu thị chủ yếu ở việc mượn một hình ảnh này để diễn tả một hình ảnh khác, và diễn tả các hình tượng trong sự vận động của chúng.

Trong nghệ thuật điêu khắc tượng đài hiện nay ở nước ta nói chung, Hà Nội nói riêng, đặc trưng này vẫn tồn tại khá rõ nét.

Nếu như trong truyền thống, cha ông ta đã mượn hình ảnh về cá để diễn tả cảnh sông nước; mượn hình ảnh chim để diễn tả bầu trời; mượn hình ảnh con rồng để diễn tả những mong ước về nước về sự no đủ... thì ở nghệ thuật điêu khắc tượng đài, để diễn tả hình tượng người trí thức, các nghệ sĩ, nhà điêu khắc lại mượn cặp kính cận gắn lên mắt nhân vật tượng đài; để diễn tả hình tượng người nông dân, họ lại mượn hình ảnh bó lúa; để diễn tả hình tượng người công nhân, họ thường mượn hình ảnh bộ trang phục bảo hộ lao động; để diễn tả hình tượng người thanh nữ, họ mượn hình ảnh tà áo dài; để diễn tả hình tượng một nhân vật lịch sử, họ mượn hình ảnh của những bộ trang phục cổ trang...

Và cũng như nghệ thuật truyền thống, nếu các hình tượng con người luôn được diễn tả trong sự vận động của họ, thì ở tượng đài, các hình tượng tượng đài cũng thường được diễn tả như thế: hình tượng người trí thức với tay ôm cuốn sách dày cộm; hình tượng người nông dân với tay ôm bó lúa, tay cầm liềm gặt, quần xắn móng; hình tượng người chiến sĩ bảo vệ tổ quốc với hai tay ôm bom ba càng; hình tượng Vua Quang Trung với trang phục cổ trang tay cầm kiếm...

Có thể nói, đặc trưng diễn tả các hình tượng một cách cụ thể nhưng lại mang sắc thái liên tưởng được thấy rất rõ ở các tượng đài Việt Nam nói chung, Hà Nội nói riêng. Tượng đài *Khâm Thiên khắc sâu căm thù giặc Mỹ* là một ví dụ. Với lối diễn tả rất chân thật và cụ thể hình tượng một bà mẹ trẻ bỗng xác đưa con bé bỏng, chân đạp lên mảnh xác máy bay B52, tượng đài đã đem đến một sự liên tưởng rất rõ ràng cho người chiêm ngưỡng, về sự tàn khốc của cuộc ném bom rải thảm do không lực Hoa Kỳ đã thực hiện tại Hà Nội ngày 26/12/1972. Ở tượng đài này, nhà điêu khắc đã mượn hình ảnh bà mẹ bỗng xác con để diễn tả nỗi đau mất mát đến tột cùng; đồng thời, với việc mượn hình ảnh bàn chân của người mẹ đạp lên mảnh xác máy bay, nhà điêu khắc đã làm người chiêm ngưỡng, một mặt, liên tưởng đến nguyên do gây ra cái chết của đứa trẻ, mặt khác, khiến người xem phải rùng mình khi liên tưởng đến sự tàn khốc của chiến tranh, bởi hậu quả của cuộc chiến không chỉ gây ra những nỗi đau, sự mất mát của phía bị xâm lược, mà còn cho cả chính phía gây chiến.

Ở những tượng đài tái hiện các nhân vật lịch sử cụ thể như Trần Hưng Đạo, Quang Trung, Lý Thái Tổ, Nguyễn Trãi... sắc thái liên tưởng thường được gọi ra từ việc mượn hình ảnh về các bộ trang phục cổ trang và những họa tiết hoa văn trang trí trên trang phục. Tùy thuộc vào sự nghiệp của mỗi nhân vật mà trang phục được mượn để khoác lên tượng là bộ tử (trang phục của vua) hay là trang phục của quan văn hoặc quan võ. Chẳng hạn, với nhân vật lịch sử mà sự nghiệp của họ gắn liền với những chiến thắng chống giặc ngoại xâm (như Quang Trung, Trần Hưng Đạo...) thì trang phục thường là trang phục của các quan võ; còn với những nhân vật mà sự nghiệp của họ gắn liền với những thành tựu dựng nước như Lý Thái Tổ, thì trang phục là bộ tử. Hay với những nhân vật mà tên tuổi của họ được gắn liền với những áng văn chương thì trang phục để diễn tả chân dung họ lại là những bộ trang phục của các quan văn...

Nếu như ở các pho tượng Phật, tượng thờ truyền thống, các nghệ nhân xưa thường mượn những kiểu cách trang phục để diễn tả nội dung tư tưởng gắn với nhân vật tượng, và mượn những họa tiết hoa văn để diễn tả tính cách, địa vị của nhân vật tượng; thì ở các tượng đài tái hiện các nhân vật lịch sử, trang phục và các họa tiết hoa văn cũng thường được các nghệ sĩ, nhà điêu khắc mượn để gọi cho người chiêm ngưỡng liên tưởng đến cốt cách và thời đại mà nhân vật tượng đài đã sống và làm nên sự nghiệp.

Cũng cần nói rõ thêm, hoa văn trang trí của người Việt vô cùng phong phú về mẫu

hình và đa dạng về loại chủng. Mỗi hoa văn thường hàm chứa hai nội dung: Một nội dung về tín ngưỡng dân gian bản địa và một nội dung xã hội “ngoại nhập”. Tùy thuộc vào bối cảnh chung cụ thể mà hoa văn có thể được liên tưởng theo nội dung này hoặc nội dung kia. Chẳng hạn như hoa văn hình rồng khi được sử dụng cùng hoa văn sóng nước và cánh hoa sen... thì nó sẽ khiến người ta liên tưởng đến nội dung về tín ngưỡng dân gian bản địa, diễn tả mong ước cầu mưa thuận gió hòa, cầu cho sự phồn thịnh của cư dân nông nghiệp lúa nước Việt Nam. Còn khi hoa văn hình rồng được sử dụng để trang trí trên bô tử, nó lại khiến người ta liên tưởng đến nội dung biểu trưng cho quyền lực, cho sự cao quý, sự linh thiêng. Mặt khác, do sự tích hợp văn hóa, hình thức biểu thị của cùng một loại hoa văn cũng có sự biến đổi trong thể hiện ở mỗi thời kỳ lịch sử khác nhau. Chẳng hạn như: cùng là mẫu hoa văn hình rồng, ở thời Lý, hình rồng có thân dài như một con rắn, luôn được bố cục theo lối nhìn nghiêng, thân cuộn khúc theo kiểu lượn sóng hình sin kéo dài từ đầu đến đuôi, miệng ngậm ngọc báu. Trong khi đó, ở thời Trần, hình rồng có thân mập và chắc hơn, vói tư thế vươn về phía trước và có nhiều kiểu bố cục khác nhau... Bởi thế, để hướng người chiêm ngưỡng đến những liên tưởng theo đúng ý đồ thiết kế, người nghệ sĩ hoặc nhà điêu khắc rất cần phải có những kiến thức nhất định về lịch sử. Việc sử dụng (mượn) sai những biểu thị hoa văn rất dễ làm người xem (người chiêm ngưỡng) có những liên tưởng không chính xác về hình tượng nhân vật.

Tương tự như vậy, hình thức của trang phục cùng loại cũng có những khác biệt nhất định trong các chi tiết thể hiện, tùy theo quy định của mỗi thời kỳ lịch sử. Không phải vô cớ mà sau khi được trưng bày, các mẫu phác thảo tượng đài Vua Lý Thái Tổ ở Hà Nội, lại nhận được rất nhiều ý kiến đóng góp về trang phục. Mặc dù đại đa số đều thống nhất cho rằng tượng đài Vua Lý Thái Tổ đầu đội mũ bình thiên mới diễn tả được vẻ oai nghiêm; nhưng về hình thức thể hiện bô tử của nhà vua thì mỗi nhóm mỗi ý kiến khác nhau. Có nhóm ý kiến cho rằng: Vua Lý Thái Tổ không thể mặc trang phục có bô tử hình vuông ở trước ngực, vì Vua Lý sống trong khoảng những năm 974-1028, thời kỳ này chưa có mẫu này. Mãi đến triều Lê Thánh Tông (niên hiệu Hồng Đức) 1471, mới có hạ chiếu ban mẫu vẽ bô tử trước ngực cho các quan. Lại có nhóm ý kiến cho rằng: Vua Lý không thể mặc trang phục có đeo đai ngọc vòng rộng được, vì cũng mãi đến triều Lê mới có quy định trang phục của vua thắt đai ngọc liền với áo thếm (loại áo được phủ ngoài mặt trước và từ nách xuống)...

Những tranh cãi về trang phục cho các mẫu tượng đài Lý Thái Tổ ở Hà Nội, phần nào đã cho thấy tầm quan trọng của các hình ảnh về kiểu dáng trang phục đối với việc gọi ra sự liên tưởng đến phẩm chất, tư tưởng của nhân vật tượng đài. Nếu như trong điêu khắc truyền thống, kiểu dáng trang phục và những trang trí hoa văn trên trang phục của các pho tượng Phật, tượng thờ thường được sử dụng để diễn tả cốt cách, địa vị xã hội của nhân vật tượng,

đồng thời với việc diễn tả ước vọng của cư dân nông nghiệp đương thời về một cuộc sống no đủ hạnh phúc. Thì ở các tượng đài ngày nay, kiểu cách trang phục cũng như những hình thái biểu thị hoa văn trên trang phục, ngoài những mục đích như vậy, còn mang ý nghĩa xác định thời đại mà nhân vật lịch sử đã sống và tạo dựng sự nghiệp của mình. Như vậy, rõ ràng, những yếu tố điêu khắc truyền thống như mượn hình ảnh này để diễn tả một hình ảnh khác, một nội dung khác, vẫn tồn tại và đang được phát triển trong nghệ thuật thiết kế tượng đài ngày nay.

Không chỉ mượn những hình ảnh về các kiểu cách trang phục, các nhà điêu khắc nghệ sĩ Việt hiện nay còn mượn cả những hình thái biểu thị của các biểu tượng đã gắn với sự kiện hoặc nhân vật được lấy làm mẫu hình dựng tượng đài, để diễn tả những ý tưởng ngầm chứa trong nhân vật hay sự kiện đó. Tượng đài Thánh Gióng ở Sóc Sơn Hà Nội là một ví dụ.

Tượng đài Thánh Gióng do nhà điêu khắc Kim Xuân thực hiện, được hiện lên trong hình ảnh của một thanh niên trẻ, tay cầm tre ngà, cưỡi ngựa hướng về trời xanh. Để diễn đạt được tinh thần thăng hoa của huyền thoại Thánh Gióng, nhà điêu khắc Kim Xuân đã sử dụng (mượn) hình ảnh một biểu tượng hết sức quen thuộc ở các lễ hội Gióng, đó là chiếc hoa tre. Trong tâm thức rất cổ xưa của người dân Việt, hoa tre là một hình ảnh biểu trưng của tín ngưỡng phồn thực. Ở hội Gióng, hoa tre được tích hợp thêm ý nghĩa biểu trưng cho con ngựa mà



Tượng Thánh Gióng ở Sóc Sơn, Hà Nội
(NDK Kim Xuân; nguồn: internet)

Thánh Gióng đã cưỡi ra trận, phun lửa vào đám giặc Ân; đồng thời, cũng là hình ảnh biểu trưng cho chính Thánh Gióng và chiến công của người anh hùng làng Gióng. Lễ rước Hoa tre, một lễ thức quan trọng của Hội Gióng đã làm sáng tỏ những ý nghĩa hàm chứa trong biểu tượng hoa tre. (Không biết có phải từ biểu tượng của chiếc Hoa tre ở Hội Gióng, mà nhà điêu khắc Kim Xuân đã sáng tạo ra mẫu tượng đài Thánh Gióng hay không. Chỉ biết, một trong những nguyên do mẫu tượng của ông nhận được sự ủng hộ của người dân, trước hết, bởi mẫu hình đó gọi cho công chúng sự liên tưởng đến chiếc Hoa tre ở Hội Gióng).

Sự thật thì ở mẫu tượng của nhà điêu khắc Kim Xuân, Thánh Gióng và con ngựa của ngài, chỉ như là một trong những yếu tố tạo thành một đường lượn vút từ dưới đất lên trên trời, mà chiếc đuôi ngựa cách điệu mang dạng biểu thị của chiếc Hoa tre, là hình tượng chính yếu, chi phối toàn bộ bố cục hình tượng. Huyền thoại về một cậu bé sinh ra không biết nói cười, bỗng trở

thành chàng thanh niên cường tráng, dũng cảm cưỡi ngựa xông vào đánh giặc, nhổ tre đánh tan lũ xâm lược... như được thăng hoa bởi cách tạo hình cổ điển, mang tính ước lệ đậm chất truyền thống đó. Sự kết hợp của những đám mây, ánh lửa, ánh hào quang và những cây tre đằng ngà dưới chân ngựa, càng làm cho thần thái của Đức Thánh Gióng và nội dung chủ đề của mẫu tượng thêm nổi bật rõ hơn.

Có thể thấy rằng, từ một câu chuyện huyền thoại đầy tính hư cấu của người Việt xưa, hình ảnh Thánh Gióng, với đủ sắc thái, đã được “biến hóa” trong rất nhiều hình thức biểu thị khác nhau. Rõ ràng, huyền thoại, truyền thuyết và các dã sử, với những yếu tố hư ảo, kỳ diệu đã là nguồn cảm hứng, là động lực để ý tưởng sáng tạo của các nghệ sĩ, các nhà điêu khắc được bay bổng, thăng hoa. Những nhân vật lịch sử, bởi thế, đã được họ thể hiện với muôn sắc ngàn vẻ, rất sinh động và đa dạng.

Tuy nhiên, cho dù các mẫu hình về một nhân vật lịch sử có đa dạng như thế nào thì chúng vẫn chịu sự giới hạn của nền văn hoá đã sản sinh ra chúng cả về nội dung và hình thức thể hiện. Thánh Gióng, dù được diễn tả theo hình mẫu nào, thì trong tâm thức của người dân Việt, đó vẫn là một chàng trai Việt khoẻ mạnh, tuấn tú khôi ngô (theo những chuẩn mực của người dân đương thời). Những phẩm chất được gán cho Thánh Gióng cũng là những phẩm chất, những mơ ước xuất phát từ hiện thực tự nhiên và xã hội của giai đoạn lịch sử đã sản sinh ra nhân vật Thánh Gióng. Và vì thế,

những hình thức biểu thị của các phẩm chất ấy cũng không nằm ngoài những dạng thức biểu tượng mà cộng đồng cư dân Việt đã sáng tạo từ trong lịch sử.

Trong tâm trí của đại đa số người dân Việt, từ già đến trẻ, hình ảnh về người anh hùng làng Gióng thường được gắn với sự kiện Gióng nhổ bụi tre làm vũ khí tấn công vào quân giặc. Bởi thế, dù được thể hiện dưới rất nhiều dạng thức khác nhau, nhưng phần lớn, các mẫu tượng đều diễn tả Gióng trong hình ảnh cưỡi ngựa, cầm cây tre trên tay. Hình ảnh Gióng với cây tre đã trở thành biểu tượng ngàn đời của nhân dân ta: dùng vũ khí thô sơ dám chống lại và chiến thắng quân ngoại xâm, dù chúng có binh khí tối tân đến đâu. Đó như là một hình tượng chiến tranh nhân dân của dân tộc Việt Nam - một dân tộc nhỏ bé, luôn phải oằn mình với những cuộc chiến tranh bảo vệ chủ quyền, bảo vệ mảnh đất quê hương. Và nhà điêu khắc Nguyễn Hải, từ ý nghĩa hàm chứa trong hình ảnh về Gióng như thế, đã để Gióng “hóa thân” vào những cây tre, với vô vàn mắt tre gõ ghè. Từ con ngựa, thanh gươm và thân hình Thánh Gióng đều “nhập” vào hình ảnh của những thân tre cách điệu. Lối tạo hình mượn hình ảnh cây tre để diễn tả hình tượng Thánh Gióng vừa mang đậm tính ước lệ truyền thống, lại vừa mang tính biểu trưng của điêu khắc hiện đại, đã làm cho mẫu hình này trở nên hết sức ấn tượng (Tuy nhiên, đây không phải là mẫu tượng gửi dự thi). Tư tưởng của thời đại, giá trị nội dung của huyền thoại Thánh Gióng đã được bộc lộ rõ ràng ở mẫu tượng này.

2.2. Những yếu tố vật thể

Do có cội nguồn xuất xứ từ Tây Phương, gắn liền với sự ra đời và phát triển của các đô thị Phương Tây, mà nghệ thuật tượng đài, dù được thể hiện ở loại dạng nào, cũng mang đậm phong cách biểu thị hình thái của nghệ thuật tạo hình Phương Tây. Có nghĩa, dù ở loại dạng nào, tượng đài cũng được sáng tạo theo những nguyên tắc về thể tích, hình khối, vật chất trong không gian ba chiều và chịu sự chi phối của những quy luật tạo hình mang tính giải phẫu chính xác, đã được định hình từ thời Phục Hưng. Trong khi đó, nghệ thuật điêu khắc truyền thống Việt lại nhằm vào mục đích chủ yếu là thông qua các biểu tượng để diễn tả diễn đạt nội dung chứ không phải hình thức. Nghệ thuật điêu khắc khối Việt Nam chú trọng đến diễn tả nội tâm, tình cảm của nhân vật, do vậy mà sơ sài, giản lược về mặt hình thức. Bởi thế, khi nói đến những yếu tố kỹ thuật điêu khắc tượng đài, người ta thường nghĩ ngay đến những quy luật, quy tắc tạo hình của điêu khắc Phương Tây. Song, điều đó không có nghĩa là trong nghệ thuật tạo hình tượng đài không có chỗ để các yếu tố điêu khắc truyền thống Việt được thể hiện.

Sự thật, ở tượng đài Vua Quang Trung (Hà Nội) của nhà điêu khắc Vương Học Báo, người ta vẫn có thể nhận thấy sự vận dụng, kế thừa một số yếu tố tạo hình từ hệ thống tượng Phật La Hán, Hộ Pháp của nghệ thuật tạo hình truyền thống Việt, qua những mảng khối diễn tả căng tròn kết hợp với những mảng khối cắt khỏe, dứt khoát,

cùng những chi tiết chạm sâu kết hợp với chạm nông tạo sự gồ ghề trên đôi vai pho tượng. Cũng như các pho tượng La Hán, Hộ Pháp, tượng Vua Quang Trung được thể hiện ở tư thế đứng thẳng hiên ngang, tay trái nắm đốc gươm, tay phải xuôi theo thân, bàn tay hơi mở tự nhiên. Phẩm chất anh hùng nhưng cũng rất nghệ sĩ của vị vua thao lược này đã được diễn tả một cách nổi bật và cụ thể, qua hiện thực đầy sống động của dòng chuyển động thẳng đứng, được tạo ra từ một cơ thể khỏe mạnh, với khối ngực nở, căng, nổi khối dưới lớp áo vải, được cắt bởi dải thắt lưng mềm mại, cùng các bắp chân, bắp tay tròn, chắc, lộ dưới tấm áo vải mềm. Sự điềm tĩnh của người lãnh đạo chính trị tài ba, nhà quân sự xuất sắc của vị vua - người anh hùng áo vải - Quang Trung đã được toát ra từ chính những mảng khối thẳng đứng, căng khỏe đó. Có thể thấy ở tượng đài này, xu hướng hiện thực trong nội dung hình tượng và phương pháp tạo hình phù hợp với nội dung tạo hình đó của nghệ thuật tạo hình tượng Phật Việt Nam truyền thống, đã được thể hiện rất rõ nét.

Xu hướng hiện thực trong nội dung hình tượng và phương pháp tạo hình phù hợp với nội dung hiện thực cũng là xu hướng mà những nhà điêu khắc tượng đài Việt Nam hiện đang hướng đến. Đài tưởng niệm Khâm Thiên là một ví dụ. Ở tượng đài này, người ta cũng có thể nhận thấy được sự kế thừa những yếu tố tạo hình của nghệ thuật tạo hình Đức Phật ở Chùa Tây Phương. Nếu như ở pho tượng Phật Tuyết Sơn, dòng suy nghĩ trầm tư, chứa chất một cuộc đấu tranh

tư tưởng khốc liệt trong tấm thân héo mòn, đã được diễn tả một cách nổi bật và cụ thể, qua hiện thực đầy sống động và giàu nhịp điệu của tuyến vận động ngang tạo ra từ những chiếc xương sườn hằn sâu trên cơ thể gầy còm, tuyến thẳng đứng của đôi chân khẳng khiu đang co lên, và tuyến thẳng góc của cánh tay trợ xương đặt trên khối xương đầu gối lồi nổi. Sức sống mãnh liệt chảy trong cơ thể còm cõi của Đức Phật Tuyết Sơn đã toát ra từ chính sự đối lập của những chi tiết diễn tả chân thực đó. Thì ở tượng đài tưởng niệm Khâm Thiên, nỗi đau tột cùng của người mẹ mất con chứa chất trong tấm thân yếu đuối, mảnh dẻ, cũng đã được diễn tả nổi bật và cụ thể qua tuyến vận động ngang của thân thể em bé, tuyến thẳng đứng của cơ thể người Mẹ, và tuyến góc chân trái co lên, đặt trên mảnh xác máy bay. Nỗi đau khôn xiết, sự phẫn nộ về cuộc chiến tranh hủy diệt đã được thể hiện cụ thể, rõ ràng từ chính sự đối lập của những mảng khối diễn tả chân thực đó.

Mặc dù còn nhiều điều phải bàn, nhưng tượng đài Lý Thái Tổ ở Vườn hoa Lý Thái Tổ Hà Nội, cũng là một trong những tượng đài đã kế thừa được một số yếu tố cơ bản của nghệ thuật tạo hình truyền thống Việt, đặc biệt là ở việc tạo thế, dáng, chuyển động cho pho tượng. Bản lĩnh và tầm nhìn của vị Hoàng đế anh minh, người đã khai sáng ra triều Lý và Kinh đô Thăng Long - Thủ đô Hà Nội, đã được diễn tả chủ yếu thông qua bố cục rất truyền thống, với tư thế đứng thẳng oai nghiêm, tay cầm chiếu dời đô, tay chỉ xuống vùng đất, khẳng định chủ quyền lãnh thổ. Nội dung công đức

của vị vua văn võ song toàn, hết lòng chăm lo cho nước, cho dân cũng được thể hiện cụ thể bởi sự kết hợp hài hòa giữa tư thế đứng thẳng oai nghiêm với nhịp chuyển động đều đặn của nếp áo long bào.

Mặc dù hiện nay các nhà thiết kế tượng đài Việt Nam đều đã được trang bị các kiến thức tạo hình nghệ thuật Phương Tây nhưng khi thực hiện các thiết kế tượng đài, họ vẫn có ý thức tìm ra những yếu tố điều khắc truyền thống phù hợp với sáng tác của mình và phát huy các yếu tố đó trong sáng tác của họ. Bởi thế, ở các tượng đài Việt Nam hiện nay, dù ít hay nhiều, chúng ta vẫn nhận thấy điều đó. Có thể nói, nhờ kế thừa được các yếu tố xử lý mảng, khối, tạo thế dáng, chuyển động... của ông cha ta, mà các nghệ sĩ, nhà điêu khắc tượng đài Việt Nam đã tạo ra được những thành công nhất định cho điêu khắc tượng đài, một lĩnh vực nghệ thuật còn rất non trẻ của mỹ thuật Việt Nam. Tuy nhiên, không phải kế thừa yếu tố nghệ thuật truyền thống nào cũng có thể tạo ra bước tiến cho tượng đài Việt Nam. Thực tế, việc sử dụng quá nhiều hoa văn trang trí cho tượng đài và đặc biệt, sử dụng những hoa văn có hình thái biểu thị không phù hợp với nội dung của tượng đài, đã làm giảm giá trị của tượng đài rất nhiều (Một trong những lỗi của tượng đài Lý Thái Tổ cũng là sự "tham lam" về các họa tiết hoa văn).

Trên đà phát triển của tượng đài nhân vật sau công cuộc đổi mới và từ quá trình đô thị hóa diễn ra mạnh mẽ trong toàn quốc, khoảng 15 năm trở lại đây, số lượng các

công trình đã nhanh chóng được tăng theo cấp số nhân. Tuy nhiên, chất lượng của các công trình này dường như lại không được tăng tương ứng với sự tăng vọt về số lượng. Ngoài một số rất ít những công trình được đánh giá là những tác phẩm nghệ thuật đích thực, mang đầy đủ những yếu tố nội dung cần thiết như: cá tính-tư tưởng-thẩm mỹ-hoàn chỉnh-đại chúng... thì đại đa số tượng đài đều có “vấn đề” về chất lượng công trình cũng như chất lượng nghệ thuật. Phần lớn các tác phẩm đều chưa xứng với tầm vóc phát triển của các đô thị Việt Nam hiện nay.

Một thành phố đẹp, một đô thị hiện đại không thể thiếu vắng tượng đài các nhân vật lịch sử của vùng miền. Các thành phố, đô thị của nước ta cũng không ngoại lệ. Sự thật, nhu cầu về tượng nhân vật của nước ta khá lớn. Và việc đáp ứng nhu cầu ấy là không thể chối bỏ. Đáng tiếc, những tác phẩm hiện nay của chúng ta còn chưa đẹp. Đã có một số dự án được triển khai với quy mô lớn, nhưng nhiều năm nay vẫn chưa thực hiện được do thiếu mặt bằng, hoặc do chưa nhất trí về mặt bằng, và do cả những ý kiến trái ngược nhau mỗi khi phác thảo được duyệt; do kinh phí và những tiêu cực phiền hà, lạc hậu trong quản lý kinh phí cho các công trình xây dựng tượng đài; và cả do lối làm ẩu. Tác phẩm dựng lên lại lo bị phá hỏng, bị bôi bẩn, bị những người thiếu văn hóa viết vẽ linh tinh lên công trình... Tất cả những lý do đó đều đã khiến cho tượng đài nhân vật, một loại hình điêu khắc ngoài trời, đang trở thành điểm yếu trong quy hoạch kiến trúc đô thị, một “khiếm khuyết” của mỹ

thuật Việt Nam, và là một vấn đề “bức xúc” của toàn xã hội.

Để tượng đài nhân vật thực sự là một tác phẩm nghệ thuật trường tồn, có sức tác động mạnh đến sự lựa chọn của các thế hệ, thì trước hết, các điều khắc gia cùng các nhà quản lý văn hóa, quản lý đô thị, cần có những tiêu chí thống nhất cho loại hình nghệ thuật này. Cần đưa ra một khái niệm về tượng đài nhân vật để từ đó làm cơ sở cho việc hoạch định chính sách, cơ chế đối với việc xây dựng các công trình, cũng như lập một quy hoạch tổng thể cho việc xây dựng tượng đài nhân vật ở mỗi đô thị, thành phố.

Ngày nay, sự xuất hiện của tượng đài nhân vật không chỉ mang ý nghĩa đơn thuần của một pho tượng, mà với sự phát triển của công nghiệp, với tốc độ phát triển của đô thị, nó còn mang ý nghĩa thiết định lại trên một trình độ cao hơn mối tương quan, hài hòa của một môi trường thẩm mỹ thời đại. Vì thế, cùng với việc phát triển đô thị, loại hình nghệ thuật này cũng rất cần được thay đổi và phát triển. ■

Chú thích:

¹ http://en.wikipedia.org/wiki/monumental_sculpture.

² Trần Cung - Ý kiến tại Hội thảo *Điêu khắc ngoài trời Việt Nam* do Viện Mỹ Thuật và trường ĐHMT tổ chức ngày 9/5/2006 tại Hà Nội.

³ Phạm Bình Chương, “Những quan niệm sai lầm về tượng đài ở Việt Nam” - Tham Luận tại Hội thảo *Điêu khắc ngoài trời Việt Nam* tổ chức ngày 9/5/2006 tại Hà Nội.